

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Định hướng ứng dụng)

*(Ban hành theo Quyết định số 496/QĐ- BGH ngày 17 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)*

1. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Tên ngành đào tạo:

Tên Tiếng Việt:

Hệ thống thông tin

Tên Tiếng Anh:

Information System

1.2. Đơn vị cấp bằng:

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

1.3. Mã số ngành đào tạo:

8.48.01.04

1.4. Đơn vị đào tạo:

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

1.5. Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt:

Thạc sĩ Hệ thống thông tin

Tên tiếng Anh:

Master of Information System

1.6. Trình độ đào tạo:

Thạc sĩ

1.7. Hình thức đào tạo:

Chính quy

1.8. Thời gian đào tạo:

02 năm

1.9. Ngôn ngữ đào tạo:

Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin (HTTT) theo định hướng ứng dụng; có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong ngành Hệ thống thông tin; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá hệ thống dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, quản lý và vận hành hệ thống thông tin; kỹ năng truyền bá, phổ

biến tri thức trong lĩnh vực HTTT; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc trong lĩnh vực HTTT.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mã số	Nội dung mục tiêu
PG1	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết và kiến thức liên ngành sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức thuộc ngành HTTT; vận dụng thành thạo, sáng tạo các kỹ thuật mới, quy trình tiên tiến trong quá trình quản lý và vận hành HTTT;
PG2	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong ngành HTTT nói riêng; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực CNTT nói chung;
PG3	Có đủ năng lực ngoại ngữ để có thể khai thác sử dụng các công nghệ phục vụ cho công việc chuyên môn như quản lý HTTT, giảng dạy hoặc nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT;
PG4	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng tổ chức, đánh giá vấn đề nhằm đưa ra giải pháp phù hợp, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trong HTTT.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Về kiến thức

CĐR	Mã CĐR	Nội dung
Về kiến thức	PLO1	Vận dụng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức của ngành HTTT để nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào hệ thống thông tin;
	PLO2	Vận dụng các kiến thức liên ngành để thiết kế, triển khai, vận hành và bảo trì các sản phẩm công nghệ; nâng cao hiệu năng

CĐR	Mã CĐR	Nội dung
		hệ thống; phục vụ tất cả các lĩnh vực đời sống, xã hội trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế;
	PLO3	Vận dụng các kiến thức chung về quản trị và quản lý trong quá trình triển khai hệ thống thông tin cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp,...
Về kỹ năng	PLO4	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin;
	PLO5	Có kỹ năng truyền đạt tri thức về hệ thống thông tin dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với đồng nghiệp và những người quan tâm;
	PLO6	Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến thuộc lĩnh vực hệ HTTT;
	PLO7	Có kỹ năng nghiên cứu về hệ thống thông tin; sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn;
	PLO8	Có năng lực ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
Về mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Có khả năng nghiên cứu, đưa ra và chịu trách nhiệm đối với các sáng kiến, giải pháp nâng cao HTTT;
	PLO10	Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực thiết kế, triển khai và quản lý thông tin;
	PLO11	Có năng lực đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Hệ thống thông tin nói riêng và công nghệ thông tin nói chung.
	PLO12	Có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về Hệ thống thông tin.

3.2. Ma trận kết nối giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CHUẨN ĐẦU RA	MÃ CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			
		PG1	PG2	PG3	PG4
Về kiến thức	PLO1	3			1
	PLO2	3			2
	PLO3	3			1
Về kỹ năng	PLO4		3	2	2
	PLO5		3	2	
	PLO6		2	2	
	PLO7		3	2	
	PLO8		2	3	
Về mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9		1	1	3
	PLO10		1	1	3
	PLO11		1	1	3
	PLO12		1	1	3

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, Thạc sĩ Hệ thống thông tin có đủ kiến thức và kỹ năng để đảm đương các vị trí quan trọng trong các cơ quan doanh nghiệp với các nhiệm vụ sau:

- Chuyên gia quản trị và bảo mật cơ sở dữ liệu của hệ thống, quản trị viên hệ thống thông tin, tích hợp hệ thống, phân tích mạng máy tính và truyền thông dữ liệu.
- Chuyên gia tư vấn, xây dựng và nâng cấp các hệ thống thông tin.
- Chuyên gia tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT trong các cơ quan, tư vấn, lãnh đạo hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển hệ thống thông tin cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.
- Chuyên gia phân tích kinh doanh và trợ giúp đưa ra các quyết định.

- Giảng viên giảng dạy một số học phần thuộc lĩnh vực hệ thống thông tin, máy tính và công nghệ thông tin cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung học phổ thông và đào tạo hướng dẫn các nhân viên ở các bộ phận khác khai thác sử dụng hệ thống thông tin một cách có hiệu quả.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	KIẾN THỨC CHUNG		12				
1.1	Phương pháp luận (Triết học; Logic học)	BS501	4				Khoa Triết và KHXH
1.2	PP Nghiên cứu KH	PP501	2				Viện SDH
1.3	Tiếng Anh (Đạt trình độ B2)	EL501	6				Khoa NN Anh
2	KIẾN THỨC NGÀNH		33				
A	Bắt buộc		18				
2.1	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	361001	3	1	2		Khoa CNTT
2.2	Bảo mật hệ thống thông tin	371002	3	1	2		Khoa CNTT
2.3	Phân tích và thiết kế hệ thống	371003	3	1	2		Khoa CNTT
2.4	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	371004	3	1	2		Khoa CNTT
2.5	Hệ thống thông tin quản lý	361009	3	1	2		Khoa CNTT
2.6	Hệ kinh doanh điện tử	371006	3	1	2		Khoa CNTT
B	Tự chọn		15				
2.7	Mạng và giao tiếp dữ liệu	371007	3	1	2		Khoa CNTT
2.8	Bảo mật thông tin cho nhà quản lý	371008	3	1	2		Khoa CNTT
2.9	Quản lý dự án hệ thống thông tin	371009	3	1	2		Khoa CNTT
2.10	Khai phá dữ liệu	361010	3	1	2		Khoa CNTT
2.11	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ quyết định	371011	3	1	2		Khoa CNTT
2.12	Hệ hoạch định nguồn lực tổ chức	371012	3	1	2		Khoa CNTT
2.13	Hệ thống thông tin kế toán	371013	3	1	2		Khoa CNTT
2.14	Khoa học quản lý ứng dụng	371014	3	1	2		Khoa CNTT
2.15	Quản lý tri thức	371015	3	1	2		Khoa CNTT
2.16	Lập trình nhúng	361013	3	1	2		Khoa CNTT

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
3	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP		6	2	4		Khoa CNTT
4	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9	3	6		Khoa CNTT
Tổng cộng:			60				

6. MA TRẬN KẾT NỐI CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

TT	Chuẩn đầu ra Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức			CĐR về kỹ năng					CĐR mức tự chủ và trách nhiệm			
			P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
			L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
			O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Phương pháp luận (Triết học; Logic học)	BS501		2			1					1		
2	PP Nghiên cứu KH	PP501		2			1					1		
3	Tiếng Anh (Đạt trình độ B2)	EL501								3	1			
4	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	361001	2			2						2		
5	Bảo mật hệ thống thông tin	371002	2			2						2		
6	Phân tích và thiết kế hệ thống	371003	2			2						2		
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	371004	2			2						2		
8	Hệ thống thông tin quản lý	361009	2	3	2	2	2	3	2		2	2	2	3
9	Hệ kinh doanh điện tử	371006	2	2		2						2		
10	Mạng và giao tiếp dữ liệu	371007	2			2						2		
11	Bảo mật thông tin cho nhà quản lý	371008	2			2						2		
12	Quản lý dự án hệ thống thông tin	371009	2	2	3	2		3	2		1	2		3
13	Khai phá dữ liệu	361010	2			2						2	1	
14	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ quyết định	371011	2			2						2	1	

TT	Chuẩn đầu ra Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức			CĐR về kỹ năng					CĐR mức tự chủ và trách nhiệm			
			P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
			L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
			O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15	Hệ hoạch định nguồn lực tổ chức	371012		2	2			2						2
16	Hệ thống thông tin kế toán	371013		2		2						2		
17	Khoa học quản lý ứng dụng	371014		2				2				2		
18	Quản lý tri thức	371015	2	2			2					2	1	
19	Lập trình nhúng	361013	2			2						2		
20	Thực tập tốt nghiệp		2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2
21	Đề án tốt nghiệp		3	3	3	3	3	3	3		3	3	2	2

Ghi chú: Thuật ngữ viết tắt:

- PLO: Program Learning Outcomes- Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo
- PG: Program Goals- Mục tiêu của Chương trình đào tạo
- CĐR: Chuẩn đầu ra
- CTĐT: Chương trình đào tạo
- HTTT: Hệ thống thông tin
- CNTT: Công nghệ thông tin.



GS.TS. Vũ Văn Hóa